

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v: Tranh chấp Hợp đồng
đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1980; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Đoàn Ngọc M, sinh năm: 1961; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: ấp T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 02-4-2024, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Biện Công N1, Luật sư thuộc Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh S; địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Lâm N2, sinh năm: 1987; địa chỉ: ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Dương Minh T, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ngày 23-8-2023, ông Đ có ký kết Hợp đồng đặt cọc mua bán lúa tươi với ông M, giá trị hợp đồng là 400.000.000 đồng tương đương với diện tích 1.000 công tầm cây lúa tươi, giá lúa 8.400 đồng/kg, thỏa thuận đến ngày 25-8-2023 thì ông M phải giao lúa cho ông Đ. Nhưng sau khi ký hợp đồng đến ngày 25-8-2023, ông M không có lúa giao như thỏa thuận và ông M cũng không trả lại tiền cọc cho ông Đ. Ngoài ra, theo thỏa thuận trong hợp đồng nếu ông M không giao đủ lúa thì phải bồi thường gấp đôi.

Do vậy, ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đoàn Ngọc M phải trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ s tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng và bồi thường cọc cho ông Nguyễn Văn Đ s tiền 400.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 800.000.000 đồng (T1 trăm triệu đồng).

** Tại biên bản lấy khai ngày 24-4-2024, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Theo ông M trình bày là sau khi ký Hợp đồng đặt cọc mua bán lúa tươi ngày 23-8-2023, thì 20 ngày sau ông M chỉ nhận được số tiền cọc là 220.000.000 đồng từ ông Đ chứ không phải 400.000.000 đồng theo như hợp đồng. Ngoài ra, theo hợp đồng không có thỏa thuận ngày giao lúa 25-8-2023 mà chỉ thỏa thuận giao lúa trong vụ hè thu năm 2023. Thực tế ông M đã giao cho ông Đ được tổng cộng 73 tấn lúa thông qua ông Lâm N2 vì đây là lúa của ông M mua của ông N2 để giao cho ông Đ. Khi giao lúa, ông M có nói với ông Đ là nhận lúa từ ông N2. Sau khi nhận được 73 tấn lúa thì ông Đ không đồng ý nhận lúa nữa vì cho rằng chất lượng lúa không đảm bảo nhưng thực tế thì lúa bảo đảm đúng theo thỏa thuận. Việc ông Đ không tiếp tục nhận lúa là lỗi của ông Đ nên ông M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt cọc, cụ thể là ông Đ yêu cầu bị đơn ông M phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ toàn bộ tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả đối với số tiền đặt cọc theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày ông Đ nộp đơn khởi kiện 13-12-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14-8-2024 là 08 tháng, thành tiền là 26.666.666 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng cộng số tiền ông M phải trả là 426.666.666 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu ý kiến: Theo Hợp đồng mua bán lúa tươi ngày 23-8-2023, các bên không thỏa thuận cụ thể thời gian và địa điểm giao lúa và tại phiên tòa ông Đại thừa n trong quá trình thực hiện hợp đồng ông M đã giao cho ông Đ được 73 tấn lúa theo thỏa thuận nên có cơ sở xác định ông M đã thực hiện nghĩa vụ giao lúa đúng theo hợp đồng. Việc ông M không tiếp tục giao lúa là do ông Đ cho rằng lúa không đạt chất lượng nên không nhận, hiện tại ông M vẫn đồng ý tiếp tục giao lúa cho ông Đ theo thỏa thuận nhưng

ông Đ vẫn từ chối nhận lúa nên có căn cứ xác định ông Đ đã bỏ cọc. Ngoài ra, giữa ông M và ông Đ giao kết hợp đồng mua bán lúa và có đặt cọc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, chứ các bên không có giao kết hợp đồng vay tài sản nên tại phiên tòa ông Đ yêu cầu ông M trả tiền lãi chậm trả là không có cơ sở. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Kể từ khi thụ lý vụ án, các đương sự chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phạt cọc, chỉ yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền đặt cọc theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng, thành tiền là 26.666.666 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét hợp mua bán lúa ngày 23-8-2023 giữa các bên không ghi cụ thể ngày giao nhận lúa. Nhưng các bên cũng đã thống nhất ông M giao được 73 tấn lúa cho ông Đ, đồng thời, ông Đ đã nhận lúa và thanh toán đủ tiền. Xét thấy, ông M là bên có trách nhiệm giao lúa, nhưng kể từ khi nhận tiền cọc đã không cung cấp đủ khối lượng lúa như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên bán, bên nhận cọc. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu ông M trả lại tiền cọc và tiền lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 328 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc ông Đoàn Ngọc M có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đại số tiền cọc 400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 26.666.666 đồng. Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu; đối với bị đơn ông M có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại tiền đặt cọc mua lúa và tiền phạt cọc nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng đặt cọc. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ

vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về phạm vi yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoảng tiền phạt cọc, cụ thể là ông Đ chỉ yêu cầu bị đơn ông M phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ toàn bộ tiền đặt cọc là 400.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả đối với số tiền đặt cọc theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 13-12-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng, thành tiền là 26.666.666 đồng. Tổng cộng số tiền ông M phải trả là 426.666.666 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung, các đương sự đều thống nhất: Vào ngày 23-8-2023, ông Nguyễn Văn Đ và ông Đoàn Ngọc M có thỏa thuận ký Hợp đồng mua bán lúa tươi với nội dung thỏa thuận là: tổng diện tích 100 mẫu (tương đương 1.000 công), giá bán là 8.400 đồng/kg; giống lúa Đài thơm tám. Bên mua đặt cọc cho bên bán 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); nếu bên mua không lấy lúa thì mất cọc, còn bên bán không cân lúa thì phải bồi thường gấp đôi tiền cọc lại cho bên mua. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất số tiền cọc mà bên mua đã giao bên bán, theo ông Đ trình bày đã giao đủ 400.000.000 đồng; còn người đại diện của ông M trình bày theo ông M chỉ nhận số tiền cọc 220.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không đưa ra được chứng cứ chứng minh nhận số tiền cọc 220.000.000 đồng, nhưng qua đối chiếu Hợp đồng mua bán lúa tươi ngày 23-8-2023 với lời trình bày của người làm chứng ông Dương Minh T thì có cơ sở xác định ông Đ giao cho ông M số tiền đặt cọc 400.000.000 đồng là sự thật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoảng tiền đặt cọc: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đều cho rằng do đối phương vi phạm hợp đồng, nhưng qua xem xét nội dung Hợp đồng mua bán lúa tươi ngày 23-8-2023 thì các bên không thỏa thuận cụ thể thời gian và địa điểm giao lúa. Nhưng tại phiên tòa, các bên thừa nhận có thỏa thuận giao lúa vào ngày 23-8-2023 âm lịch và ông M đã giao cho ông Đ được 73 tấn lúa thông qua ông Lâm N2. Tuy nhiên, khi biết ông M giao không đủ khối lượng thì ông Đ có liên hệ với ông M qua điện thoại để hỏi vì sao không đủ khối lượng thì không liên lạc được; còn phía ông M cho rằng ông Đại từ c nhận lúa tiếp vì lúa không đạt chất lượng. Xét thấy, việc các bên đưa ra lý do vi phạm hợp đồng của đối phương nhưng chỉ là trình bày miệng mà không có chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, các bên cũng không có chứng cứ nào chứng minh có thỏa thuận thời gian và địa điểm giao lúa tiếp theo nên hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện được và phát sinh tranh chấp là do lỗi của các bên. Hiện tại, các bên cũng không thống nhất việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Căn cứ Điều 328 của Bộ luật dân sự, nguyên đơn ông Đ yêu cầu bị đơn ông M trả lại tiền đặt cọc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về khoản tiền lãi chậm trả, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông M phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền đối với số tiền đặt cọc theo mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 13-12-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08 tháng, thành tiền là 26.666.666 đồng. Xét thấy, Hợp đồng mua bán giữa các bên không có thỏa thuận thời gian giao nhận lúa cụ thể dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện và phát sinh tranh chấp, nhưng kể từ khi ông Đ nộp đơn khởi kiện yêu cầu trả lại tiền đặt cọc đến nay thì ông M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả lại khoảng tiền đặt cọc. Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông Đ yêu cầu ông M phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền cọc phải trả 400.000.000 đồng, tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 010%/năm với số tiền 26.666.666 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn ông M là người có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán 426.666.666 đồng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông M đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông M.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 328; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Đoàn Ngọc M có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Đ các khoảng bao gồm:

- Tiền cọc lúa là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng);
- Tiền lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là 26.666.666 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tổng cộng là: 426.666.666 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn Đ cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Ngọc M còn phải trả cho ông Nguyễn Văn Đại số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000539 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Đoàn Ngọc M được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)**